TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Q
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 03/2019/KDTM – ST
Ngày: 15-5-2019
"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Thanh Đình

2. Bà Nguyễn Thị Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tuấn, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hà Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2019/TLST-KDTM ngày 14 tháng 01 năm 2019 "V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2019/QĐXXST – KDTM ngày 09-4-2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 50/2019/QĐST – KDTM ngày 24-4-2019 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N.

Địa chỉ: Số 198 đường T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

- Ông Nghiêm Xuân T, là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Chủ tịch Hội đồng quản trị).

- Bà Phạm Thị Thúy K; chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N- Chi nhánh Q, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 146/UQ-VCB.PC ngày 01-3-2016).

- Bà Phạm Thị Thúy K uỷ quyền lại cho: Ông Nguyễn Đức T; chức vụ: Phó Trưởng Phòng khách hàng bán lẻ Ngân hàng N– Chi nhánh Q (Văn bản uỷ quyền số 95/UQ –NHNT.QNg ngày 17-12-2018). Có mặt.

2. Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Vận tải K.

Địa chỉ: Số 180/01 đường N, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện hợp pháp của bi đơn: Ông Lê Đức T, là người đại diện theo pháp luật của bị đơn (Giám đốc). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 17-12-2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là Ngân hàng N (viết tắt là V) có ông Nguyễn Đức T đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngân hàng N, chi nhánh Quảng Ngãi và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Vận tải K (viết tắt là Công ty K) có ký kết 04 Hợp đồng tín dụng, cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư phát triển số 259/15/NHNT.QNg ngày 27-08-2015, số tiền cho vay là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng chẵn), mục đích sử dụng: Thanh toán tiền mua 01 xe ôtô đầu kéo nhãn hiệu CNHTC và Sơmi rơ moóc nhãn hiệu TONGYADA cho Công ty TNHH T theo Hợp đồng mua bán xe ô tô số 277/HĐMB/TP-2015 ký kết ngày 15-08-2015, thời hạn rút vốn là 01 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng, thời hạn cho vay tối đa là 72 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất áp dụng trong 6 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 7,0%/năm, lãi suất áp dụng từ tháng thứ 7 đến tháng thứ 12 là 10,0%/năm, lãi suất áp dụng thời gian còn lại là theo thông báo lãi suất của V trong từng thời kỳ. Lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn, phương thức trả nợ gốc, lãi trả hàng tháng. Công ty K đã nhận nợ vay với số tiền 1.000.000.000đ theo Giấy nhận nợ số 259.01/VCB.QNg ngày 28-8-2015.

- Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư số 4937/15/NHNT.QNg ngày 14-12-2015, số tiền cho vay là 890.000.000 đồng (Tám trăm chín mươi triệu đồng chẵn), mục đích sử dụng: Thanh toán tiền mua 01 xe ôtô tải theo Hợp đồng mua bán xe ô tô số 373/HĐMB/TP-2015 ngày 04-12-2015, thời hạn rút vốn là 01 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng, thời hạn cho vay tối đa là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất áp dụng trong 6 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 7,0%/năm, lãi suất áp dụng từ tháng thứ 7 đến tháng thứ 12 là 10,0%/năm, lãi suất áp dụng thời gian còn lại là áp dụng lãi suất cho vay trung dài hạn đối với doanh nghiệp theo thông báo lãi suất của bbên cho vay và thay đổi 03 tháng/lần. Lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn, phương thức trả nợ gốc, lãi trả hàng tháng. Công ty K đã nhận nợ vay với số tiền 890.000.000đ theo Giấy nhận nợ số 4937.01/VCB.QNg ngày 15-12-2015.

- Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư số 2136/16/KHBL.QNg ngày 11-05-2016, số tiền cho vay là 780.000.000 đồng (Bảy trăm tám mươi triệu đồng chẵn), mục đích sử dụng: Thanh toán tiền mua 01 xe ô tô tải có mui, biển số 76C-079.20, nhãn hiệu FAW, màu trắng, mới 100% cho Công ty TNHH T, thời hạn rút vốn là 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời hạn cho vay tối đa là 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất áp dụng trong 6 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 8,0%/năm, lãi suất áp dụng từ tháng thứ 7 đến tháng thứ 12 là 10%/năm, lãi suất áp dụng thời gian còn lại là theo quy định về lãi

suất cho vay trung và dài hạn theo thông báo của V tại thời điểm áp dụng và thay đổi định kỳ 03 tháng/lần. Lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn, phương thức trả nợ gốc, lãi trả hàng tháng.

Công ty K đã nhận nợ vay với số tiền 780.000.000đ theo Giấy nhận nợ số 2136-01/VCB.QNg ngày 11-5-2016.

- Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 4051/17/KHBL.QNg ngày 27-10-2017, số tiền cho vay là 460.000.000 đồng (Bốn trăm sáu mươi triệu đồng chẵn), mục đích sử dụng: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ, thời hạn rút vốn là 03 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng, thời hạn cho vay tối đa là 11 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay lần đầu. Lãi suất cho vay trong hạn: Áp dụng lãi suất cho vay ngắn hạn phục vụ sản xuất kinh doanh theo thông báo của bên cho vay đối với bên vay. Lãi suất cho vay được xác định và ghi trên giấy nhận nợ tại từng thời điểm rút vốn. Lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn, phương thức trả nợ gốc, lãi trả hàng tháng.

Công ty K đã nhận nợ vay với số tiền 388.341.000đ theo các Giấy nhận nợ số 4051-01/VCB.QNg ngày 27-10-2017, Giấy nhận nợ số 4051-02/VCB.QNg ngày 06-11-2017 và Giấy nhận nợ số 4051-03/VCB.QNg ngày 27-11-2017

Tài sản đảm bảo cho các Hợp đồng tín dụng nêu trên là:

- Một xe ô tô đầu kéo, biển số 76C-064.94, nhãn hiệu CNHTC, màu sơn bạc do Phòng cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 005216 ngày 24-08-2015 cho Công ty K và 01 sơmi rơ moóc, biển số 76R-002.40, nhãn hiệu TONGYADA, màu sơn xanh do Phòng cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận đăng ký rơ moóc, sơmi rơ moóc số 000218 ngày 26-08-2015 cho Công ty K theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 216/15/HĐTC-QNg ngày 27-08-2015, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Đà Nẵng ngày 28-8-2015.

- Một xe ô tô tải có mui, biển số 76C-070.90, nhãn hiệu CAMC, màu sơn trắng do Phòng cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe ôtô số 006560 ngày 09-12-2015 cho Công ty K theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 1597/15/HĐTC.QNg ngày 11-12-2015, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Đà Nẵng chứng nhận ngày 22-12-2015.

- Một xe ô tô tải có mui, biển số 76C-079.20, nhãn hiệu FAW, màu sơn trắng do Phòng cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 007804 ngày 11-05-2016 cho Công ty K theo Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông đường bộ số 611/16/KHBL.QNg ngày 11-05-2016, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Đà Nẵng chứng nhận ngày 17-05-2016.

- Một xe ô tô con, Biển số: 76A – 054.82, nhãn hiệu KIA, số loại RONDO, màu sơn trắng do Phòng cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe ôtô số 011397 ngày 26-11-2016 cho Công ty K theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 1648/16/BĐ-KHBL.QNg ngày 07-12-2016, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Đà Nẵng chứng nhận ngày 07-12-2016.

Trong quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng Công ty K chỉ trả được 1.187.291.000đồng tiền gốc và 445.131.531đồng tiền lãi, không thực hiện đúng các cam kết trong hợp đồng và đã vi phạm các hợp đồng tín dụng nêu trên.

Tính đến ngày 15-5-2019 Công ty K còn nợ V tổng số tiền là 2.184.587.404đồng, trong đó tiền nợ gốc là 1.871.050.000 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 290.667.797đồng, lãi quá hạn là 22.869.670đồng.

Nay Ngân hàng N yêu cầu Công ty K có nghĩa vụ trả nợ số tiền 2.184.587.404 đồng (tiền lãi tính đến ngày 15-5-2019) và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh cho đến khi Công ty K thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Trường hợp Công ty K không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng tại giai đoạn thi hành án gồm:

- Xe ô tô đầu kéo biển số 76C-064.94 và sơmi rơ moóc biển số 76R-002.40 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 216/15/HĐTC-QNg ngày 27-8-2015;

- Xe ô tô tải có mui biển số 76C-070.90 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 1597/15/HĐTC.QNg ngày 11-12-2015;

- Xe ô tô tải có mui biển số 76C-079.20 theo Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông đường bộ số 611/16/KHBL.QNg ngày 11-05-2016;

- Xe ô tô 07 chỗ biển số 76A – 054.82 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 1648/16/BĐ-KHBL.QNg ngày 07-12-2016.

Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì Công ty K có trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Bị đơn là Công ty TNHH Thương mại Vận tải K không có lời trình bày.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi Tòa án thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Đối với nguyên đơn chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; Đối với bị đơn không chấp hành đúng các quy định tại khoản 16 Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về nội dung giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 355, 471, 474, 476 của Bộ luật dân sự 2005; Điều

280, 292, 295, 299 và Điều 357 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N:

+ Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Vận tải K phải trả cho Ngân hàng N tổng số tiền nợ tính đến ngày tính đến ngày 15-5-2019 là 2.184.587.404đồng (Hai tỷ, một trăm tám mươi bốn triệu, năm trăm tám mươi bảy nghìn, bốn trăm lẻ bốn đồng); trong đó tiền nợ gốc là 1.871.050.000 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 290.667.797đồng, lãi quá hạn là 22.869.670đồng. Trường hợp Công ty K không trả số tiền nêu trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp đã thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp tài sản số 216/15/HĐTC-QNg ngày 27-08-2015, Hợp đồng thế chấp tài sản số 1597/15/HĐTC.QNg ngày 11-12-2015, Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông đường bộ số 611/16/KHBL.QNg ngày 11-05-2016 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 1648/16/BĐ-KHBL.QNg ngày 07-12-2016 để thu hồi nợ. Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Công ty K có trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

+ Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng N theo biên lai số AA/2018/0000339 ngày 10-01-2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Q.

+ Về phần án phí sơ thẩm kinh doanh thương mại: Công ty K phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là Công ty K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu Công ty K phải thanh toán số tiền còn nợ, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo các tài do nguyên đơn cung cấp thể hiện giữa Ngân hàng N và Công ty K có ký kết 04 Hợp đồng tín dụng, cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư phát triển số 259/15/NHNT.QNg ngày 27-08-2015 cho vay số tiền là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng), thời hạn cho vay tối đa là 72 tháng. Công ty K đã nhận nợ vay với số tiền 1.000.000.000đ theo Giấy nhận nợ số 259.01/VCB.QNg ngày 28-8-2015.

- Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư số 4937/15/NHNT.QNg ngày 14-12-2015 cho vay số tiền 890.000.000 đồng (Tám trăm chín mươi triệu đồng), thời hạn cho vay tối đa là 60 tháng. Công ty K đã nhận nợ vay với số tiền 890.000.000đ theo Giấy nhận nợ số 4937.01/VCB.QNg ngày 15-12-2015.

- Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư số 2136/16/KHBL.QNg ngày 11-05-2016, cho vay số tiền là 780.000.000 đồng (Bảy trăm tám mươi triệu đồng), thời hạn cho vay tối đa là 72 tháng. Công ty K đã nhận nợ vay với số tiền 780.000.000đ theo Giấy nhận nợ số 2136-01/VCB.QNg ngày 11-5-2016.

- Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 4051/17/KHBL.QNg ngày 27-10-2017, cho vay số tiền là 460.000.000 đồng (Bốn trăm sáu mươi triệu đồng), thời hạn cho vay tối đa là 11 tháng. Công ty K đã nhận nợ vay với số tiền 388.341.000đ theo các Giấy nhận nợ số 4051-01/VCB.QNg ngày 27-10-2017, Giấy nhận nợ số 4051-02/VCB.QNg ngày 06-11-2017 và Giấy nhận nợ số 4051-03/VCB.QNg ngày 27-11-2017.

Quá trình trả nợ vay, Công ty K không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ vay như đã cam kết trong các hợp đồng tín dụng. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (15-5-2019) Công ty K còn nợ V tổng số tiền là 2.184.587.404đồng, trong đó:

- Khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư phát triển số 259/15/NHNT.QNg ngày 27-08-2015 là 621.604.429đồng (gồm: nợ gốc là 530.800.000đồng, lãi trong hạn là 86.417.983đồng, lãi quá hạn là 4.386.446đồng)

- Khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư số 4937/15/NHNT.QNg ngày 14-12-2015 là 559.592.698đồng (gồm: nợ gốc là 475.000.000đồng, lãi trong hạn: 80.000.864đồng, lãi quá hạn là 4.591.834đồng);

- Khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư số 2136/16/KHBL.QNg ngày 11-5-2016 là 592.710.469đồng (gồm: nợ gốc là 509.250.000đồng, lãi trong hạn là 79.620.046đồng, lãi quá hạn là 3.840.423đồng);

- Khoản nợ theo Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 4051/17/KHBL.QNg ngày 27-10-2017 là 410.679.808đồng (gồm: nợ gốc 356.000.000đồng, lãi trong hạn là 44.628.904đồng, lãi quá hạn là 10.050.904đồng);

Do đó, Ngân hàng N yêu cầu Công ty K phải thanh toán số tiền nợ trên (tính đến ngày 15-5-2019) cùng lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi trả xong các khoản nợ là phù hợp với các Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn về xử lý tài sản thế chấp, Hội đồng xét xử thấy rằng:

- Đối với Hợp đồng thế chấp tài sản số 216/15/HĐTC-QNg ngày 27-08-2015 tài sản thế chấp là một xe ô tô đầu kéo, biển số 76C-064.94, nhãn hiệu CNHTC, màu sơn bạc do Phòng cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe ôtô số 005216 ngày 24-08-2015 cho Công ty K và một sơmi rơ moóc, biển số 76R-002.40, nhãn hiệu TONGYADA, màu sơn xanh do Phòng cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận đăng ký rơ moóc, sơmi rơ moóc số 000218 ngày 26-08-2015 cho Công ty K.

- Đối với Hợp đồng thế chấp tài sản số 1597/15/HĐTC.QNg ngày 11-12-2015 tài sản thế chấp là một xe ô tô tải có mui, biển số 76C-070.90, nhãn hiệu CAMC do Phòng cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe ôtô số 006560 ngày 09-12-2015 cho Công ty K.

- Đối với Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông đường bộ số 611/16/KHBL.QNg ngày 11-05-2016 tài sản thế chấp là một xe ô tô tải có mui, biển số 76C-079.20, nhãn hiệu FAW, màu sơn trắng do Phòng cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe ôtô số 007804 ngày 11-05-2016 cho Công ty K.

- Đối với Hợp đồng thế chấp tài sản số 1648/16/BĐ-KHBL.QNg ngày 07-12-2016, tài sản thế chấp là một xe ô tô con, biển số 76A – 054.82, nhãn hiệu KIA, số loại RONDO, màu sơn trắng do Phòng cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe ôtô số 011397 ngày 26-11-2016 cho Công ty K.

Tất cả các Hợp đồng thế chấp nêu trên được ký kết giữa Ngân hàng N– Chi nhánh Quảng Ngãi (Bên nhận thế chấp) với Công ty K (Bên thế chấp) và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Đà Nẵng. Nghĩa vụ được bảo đảm các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng thế chấp nêu trên là: *Tài sản thế chấp để đảm bảo cho các nghĩa vụ thanh toán của bên thế chấp cho bên nhận thế chấp bao gồm nhưng không giới hạn ở nợ gốc, nợ lãi, lãi quá hạn và phí phát sinh từ hoặc liên quan đến các Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa bên thế chấp và bên nhận thế chấp*.

Do đó, yêu cầu của Ngân hàng N về việc xử lý tài sản thế chấp theo 04 Hợp đồng thế chấp nêu trên là có căn cứ, được chấp nhận.

[3] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên Công ty K phải chịu 75.691.748đồng [72.000.000đ + (2.184.587.404đ – 2.000.000.000đ) x 2%] tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về kinh doanh thương mại.

Nguyên đơn là Ngân hàng N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về kinh doanh thương mại, hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 30, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, 244, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng

dân sự; Điều 355 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng N: Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn thương mại vận tải K phải thanh toán cho Ngân hàng N tổng số tiền (tính đến ngày 15-5-2019) là 2.184.587.404đồng (Hai tỷ, một trăm tám mươi bốn triệu, năm trăm tám mươi bảy nghìn, bốn trăm lẻ bốn đồng), trong đó:

- Khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư phát triển số 259/15/NHNT.QNg ngày 27-08-2015 là 621.604.429đồng (gồm: nợ gốc là 530.800.000đồng, lãi trong hạn là 86.417.983đồng, lãi quá hạn là 4.386.446đồng)

- Khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư số 4937/15/NHNT.QNg ngày 14-12-2015 là 559.592.698đồng (gồm: nợ gốc là 475.000.000đồng, lãi trong hạn: 80.000.864đồng, lãi quá hạn là 4.591.834đồng);

- Khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư số 2136/16/KHBL.QNg ngày 11-5-2016 là 592.710.469đồng (gồm: nợ gốc là 509.250.000đồng, lãi trong hạn là 79.620.046đồng, lãi quá hạn là 3.840.423đồng);

- Khoản nợ theo Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 4051/17/KHBL.QNg ngày 27-10-2017 là 410.679.808đồng (gồm: nợ gốc 356.000.000đồng, lãi trong hạn là 44.628.904đồng, lãi quá hạn là 10.050.904đồng).

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Vận tải K còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng N, chi nhánh Quảng Ngãi.

3. Trường hợp Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Vận tải K không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp tại giai đoạn thi hành án để thu hồi nợ cho Ngân hàng N, gồm:

- Một xe ô tô đầu kéo, biển số 76C-064.94, nhãn hiệu CNHTC, màu sơn bạc do Phòng cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 005216 ngày 24-08-2015 cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Vận tải K và 01 sơmi rơ moóc, biển số 76R-002.40, nhãn hiệu TONGYADA, màu sơn xanh do Phòng cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận đăng ký rơ moóc, sơmi rơ moóc số 000218 ngày 26-08-2015 cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Vận tải K theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 216/15/HĐTC-QNg ngày 27-08-2015.

- Một xe ô tô tải có mui, biển số 76C-070.90, nhãn hiệu CAMC, màu sơn trắng do Phòng cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe ôtô số 006560 ngày 09-12-2015 cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Vận tải K theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 1597/15/HĐTC.QNg ngày 11-12-2015.

- Một xe ô tô tải có mui, biển số 76C-079.20, nhãn hiệu FAW, màu sơn trắng do Phòng cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 007804 ngày 11-05-2016 cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Vận tải K theo Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông đường bộ số 611/16/KHBL.QNg ngày 11-05-2016.

- Một xe ô tô con, biển số 76A – 054.82, nhãn hiệu KIA, số loại RONDO, màu sơn trắng do Phòng cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe ôtô số 011397 ngày 26-11-2016 cho Công ty TNHH Thương mại Vận tải K theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 1648/16/BĐ-KHBL.QNg ngày 07-12-2016.

Tất cả các hợp đồng thế chấp nêu trên được ký kết giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Vận tải K với Ngân hàng N - chi nhánh Quảng Ngãi.

Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Vận tải K tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

4. Về án phí: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Vận tải K phải chịu 75.691.748đồng (Bảy mươi lăm triệu, sáu trăm chín mươi mốt nghìn, bảy trăm bốn mươi tám đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về kinh doanh thương mại.

Nguyên đơn là Ngân hàng N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền 36.883.000 đồng (Ba mươi sáu triệu, tám trăm tám mươi ba nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2014/0000339 ngày 10-01-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Q;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND TP.Q;
- Chi cục THADS TP.Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

Huỳnh Thị Hồng Hoa